

Số: 19 /2021/NQ-HĐND

Vĩnh Phúc, ngày 21 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về chính sách hỗ trợ hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên
địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2022 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC
KHOÁ XVII KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;*

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 387/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân
dân tỉnh về chính sách hỗ trợ hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh
Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội
Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh
tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ hoạt động giáo dục nghề nghiệp
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2022-2025**

1. Đối tượng hỗ trợ

Học sinh, sinh viên (trong và ngoài tỉnh) tốt nghiệp trung học phổ thông học
trình độ trung cấp, cao đẳng, cao đẳng chương trình đào tạo chất lượng cao tại các
cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2022-2025.

2. Chính sách hỗ trợ

a) Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ

Hỗ trợ học phí cho học sinh, sinh viên học trình độ trung cấp, cao đẳng đại trà các ngành, nghề theo danh mục ngành, nghề (quy định tại Phụ lục 01) kèm theo Nghị quyết này, làm việc tối thiểu 12 tháng liên tục tại 01 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thì được hỗ trợ học phí một lần theo Nghị quyết này.

Hỗ trợ học phí cho sinh viên học trình độ cao đẳng chương trình chất lượng cao các ngành, nghề (quy định tại Phụ lục 02) kèm theo Nghị quyết này, làm việc tối thiểu 12 tháng liên tục tại 01 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo ngành nghề được đào tạo thì được hỗ trợ học phí một lần theo Nghị quyết này.

Học sinh, sinh viên đang hưởng chính sách miễn, giảm học phí theo quy định của Chính phủ thì không được hưởng hỗ trợ học phí theo Nghị quyết này.

b) Mức hỗ trợ

Học sinh tốt nghiệp trình độ trung cấp đại trà được hỗ trợ 300.000 đồng/người/tháng.

Sinh viên tốt nghiệp trình độ cao đẳng đại trà được hỗ trợ 500.000 đồng/người/tháng.

Sinh viên tốt nghiệp trình độ cao đẳng chương trình chất lượng cao được hỗ trợ 800.000 đồng/người/tháng.

c) Thời gian hỗ trợ: Theo thời gian thực học, tối đa không quá 20 tháng/khóa học đối với trình độ trung cấp; tối đa không quá 30 tháng/khóa học đối với trình độ cao đẳng.

3. Kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách cấp tỉnh.

Điều 2. Trình tự, cách thức thực hiện chính sách hỗ trợ

1. Trình tự thực hiện

Người đủ điều kiện hưởng hỗ trợ học phí quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này chậm nhất 18 tháng sau khi tốt nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều này về Bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi người lao động đăng ký hộ khẩu thường trú (đối với người lao động không có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc thì nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt trụ sở chính của doanh nghiệp mà người lao động làm việc). Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ, ghi phiếu tiếp nhận và thời hạn trả kết quả cho người lao động. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản trả lời người lao động và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc thẩm định hồ sơ, lập danh sách người lao động đủ điều kiện được hỗ trợ.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, sau khi có kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định hỗ trợ kinh phí cho người lao động.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định hỗ trợ kinh phí, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức chi trả kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho người lao động.

Sau thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành quyết định hỗ trợ kinh phí cho lao động, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi quyết định về Sở Lao động- Thương binh và Xã hội để theo dõi, quản lý.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Thành phần hồ sơ

Đơn đề nghị hỗ trợ: Theo mẫu tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Nghị quyết này;

Bản sao Bằng tốt nghiệp;

Bản sao Chứng minh nhân nhân (hoặc Căn cước công dân);

Bản sao chứng thực Hợp đồng lao động.

4. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5. Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

7. Đối tượng thực hiện: Cá nhân.

8. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ học nghề trình độ trung cấp/trình độ cao đẳng/trình độ cao đẳng chất lượng cao.

9. Phí, lệ phí: Không.

10. Kết quả thực hiện: Quyết định cấp kinh phí hỗ trợ cho người lao động tốt nghiệp trình độ trung cấp/trình độ cao đẳng/trình độ cao đẳng chất lượng cao.

11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Người học sau khi hoàn thành khóa học tốt nghiệp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh và làm việc ít nhất đủ 12 tháng liên tục tại 01 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về chính sách hỗ trợ hoạt động giáo dục nghề trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021 - 2025 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 15 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./. *ll*

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy Khối các cơ quan, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực các huyện, thành ủy; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện;
- Báo Vĩnh Phúc, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Vĩnh Phúc, Công Thông tin - Giao tiếp điện tử tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chánh, Phó Văn phòng, Chuyên viên Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND(01).L(50) *lm*

CHỦ TỊCH

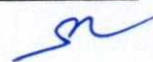


Hoàng Thị Thúy Lan

**DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
ĐẠI TRẢ ĐƯỢC HỖ TRỢ**

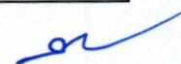
(Kèm theo Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 21/12/2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

| STT | Tên ngành, nghề | Trình độ đào tạo | | Ghi chú |
|-----|--|------------------|-----------|---------|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | |
| | Nhóm ngành/ngành công nghiệp | | | |
| 1 | Cắt gọt kim loại (Công nghệ kỹ thuật cơ khí) | x | x | |
| 2 | Hàn | x | x | |
| 3 | Công nghệ ô tô (Công nghệ kỹ thuật ô tô) | x | x | |
| 4 | Điện công nghiệp | x | x | |
| 5 | Điện dân dụng | x | x | |
| 6 | Điện tử công nghiệp (Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử) | x | x | |
| 7 | Cơ điện tử | x | x | |
| 8 | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | x | x | |
| 9 | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | x | x | |
| 10 | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | x | x | |
| 11 | Quản trị mạng máy tính (truyền thông và mạng máy tính) | x | x | |
| 12 | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp) | x | x | |
| 13 | Kỹ thuật xây dựng | x | x | |
| 14 | Lắp đặt thiết bị cơ khí | x | x | |



DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO ĐƯỢC HỖ TRỢ
 (Kèm theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 21/12/2021
 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

| STT | Tên ngành, nghề | Trình độ đào tạo | | Ghi chú |
|------------|---|------------------|-----------|---------|
| | | Cao đẳng | Trung cấp | |
| | Nhóm ngành/nghề công nghiệp | | | |
| 1 | Cắt gọt kim loại (Công nghệ kỹ thuật cơ khí) | x | | |
| 2 | Hàn | x | | |
| 3 | Công nghệ ô tô (Công nghệ kỹ thuật ô tô) | x | | |
| 4 | Điện công nghiệp | x | | |
| 5 | Điện tử công nghiệp (Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử) | x | | |
| 6 | Cơ điện tử | x | | |
| 7 | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | x | | |
| 8 | Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính | x | | |
| 9 | Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) | x | | |
| 10 | Quản trị mạng máy tính (truyền thông và mạng máy tính) | x | | |
| 11 | Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp) | x | | |
| 12 | Truyền thông và mạng máy tính | x | | |
| 13 | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | x | | |
| 14 | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | x | | |
| II | Nhóm ngành/nghề nông nghiệp | | | |
| 1 | Dịch vụ thú y | x | | |
| 2 | Kỹ thuật máy nông nghiệp | x | | |
| III | Nhóm ngành/nghề du lịch, dịch vụ | | | |
| 1 | Quản trị lễ tân | x | | |



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP KINH PHÍ HỖ TRỢ TRÌNH ĐỘ.....
(CAO ĐẲNG/TRUNG CẤP/CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO)

Kính gửi: UBND huyện/thành phố.....

Tên tôi là (viết chữ in hoa có dấu).....

Sinh ngàythángnăm..... (Ghi bằng số)

Hộ khẩu thường trú:
cấp ngày.....tháng.....năm.....

Số CMND (hoặc căn cước công dân):ngày
cấp...../...../.....nơi cấp.....

Số tài khoản.....tại Ngân hàng.....

Đã theo học tại cơ sở đào tạo:.....

Trình độ đào tạo (cao đẳng/trung cấp, chương trình CLC).....,
Khóa..... Nghề:....., Lớp:.....

Thời gian đào tạo: Từ tháng.....năm.....đến tháng.....năm.....

Đã ký kết Hợp đồng làm việc số:.....ngày.....tháng.....năm....., tại
(tên doanh nghiệp).....

(Địa chỉ.....

.....)

Căn cứ Nghị quyết số/2021/NQ-HĐND ngày/12/2021 của
HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn
tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2022-2025; tôi làm đơn này đề nghị được cấp kinh phí
hỗ trợ trình độ..... (Cao đẳng/Trung cấp/Chương trình CLC) , với
số tiền là.....(Bằng chữ.....).

Tôi xin cam đoan những thông tin trên đây là đúng sự thật. Nếu sai, tôi
xin hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Vĩnh Phúc, ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI VIẾT ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)